

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS-ST

Ngày 27- 01-2022

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, tài
sản gắn liền với đất, yêu cầu bồi
thường thiệt hại về tài sản và hủy một
phần Giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lương Thùy Linh

Ông Nguyễn Hữu Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Choi – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lương Minh Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Bạch Ánh T, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Bà Hoàng Thị H (S), sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thanh H, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Vy Thị C, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Vy Thị C: Bà Triệu Thị Kim L, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn – Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Xuân M, phó phòng Tài nguyên và môi trường huyện L, tỉnh Lạng Sơn (Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng số 6713/QĐ-UBND ngày 15/11/2021); vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn K, phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (Giấy ủy quyền số 01/GUQ-UBND ngày 04/01/2021); vắng mặt.

- Những người làm chứng:

1. Ông Lành Trường C, sinh năm 1944; địa chỉ: Số nhà X, khu K, thị trấn M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Ông Hoàng Văn Th, sinh năm 1931; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt

3. Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1976; hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và chỗ ở hiện nay: Số nhà D, khu P, thị trấn M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Người giám định: Ông Đinh Thanh T – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn là Giám định viên Tư pháp lĩnh vực đất đai được Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 905/QĐ-UBND ngày 29/4/2021; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các đơn khởi kiện đề ngày 28/6/2021, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 18/10/2021, cùng những lời trình bày tiếp theo cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Hoàng Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp đất đai và tài sản gắn liền với đất giữa ông với bà Hoàng Thị H (S) cụ thể như sau:

Đối với diện tích tranh chấp thứ nhất là 995,1 m² đất thuộc thửa 227, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện L tỷ lệ 1/10.000; yêu cầu sở hữu toàn bộ tài sản trên đất (cây vầu). Nguồn gốc do từ đời bố ông canh tác, làm nương rẫy, trồng sắn, trồng khoai đến năm 1996 Nhà nước có giao đất cho dân, gia đình ông nhận luôn lô đất này và được nhà nước cấp sổ bìa xanh quản lý đến năm 2009 gia đình ông đi kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ký hiệu BD 636785, số vào sổ CH00146 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Hoàng

Văn H và bà Vy Thị C vào ngày 30/12/2009. Tài sản trên đất là cây vầu tự mọc. Gia đình ông vẫn quản lý, sử dụng ổn định liên tục, không ai có tranh chấp gì. Đến năm 2020 thì bà Hoàng Thị H (S) mới có ý kiến tranh chấp, gây cản trở quyền quản lý, sử dụng đất của gia đình ông vì cho rằng đất trên ruộng của bà thì bà được quản lý, sử dụng.

Đối với diện tích đất tranh chấp thứ hai là 90 m² đất thuộc thửa 292, tờ bản đồ số 108, bản đồ địa chính đất xã T, huyện L tỷ lệ 1/1000. Nguồn gốc là do gia đình ông mua từ năm 1996 với ông Vi Văn S, ông Vi Văn S đã chuyển vào miền Nam. Việc chuyển nhượng có giấy tờ viết tay, ký nhận, có người chứng kiến ký vào, trên giấy có ghi tài sản trên đất gồm nhà ngói ba gian, chuồng trâu lợn bằng ngói và cây hoa quả gồm tre, lê, trám đen, trúc, mít, mắc mật, long mát. Đến năm 2014 gia đình ông đi kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 197, đến năm 2020 thì tách thành 02 thửa là 292, 293. Gia đình ông quản lý, sử dụng liên tục không ai có tranh chấp gì. Đối với tài sản trên đất gia đình ông đã san đất để làm nhà nên hiện nay không còn gì trên đất. Gia đình ông quản lý, sử dụng liên tục, không ai ý kiến gì. Khi ông san gạt đất cũng như chặt cây thì không ai có ý kiến tranh chấp gì, đến nay bà Hoàng Thị H mới nói là đất được cho và tranh chấp với ông.

Do vậy ông khởi kiện yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp; yêu cầu sở hữu tài sản trên đất tranh chấp là cây vầu tự mọc, buộc bị đơn phải chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích đất này cũng như tài sản trên đất tranh chấp; không chấp nhận yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn đối với 02 (hai) diện tích trên, cũng như yêu cầu bồi thường thiệt hại giá trị cây mít là 2.000.000 đồng của bị đơn; về chi phí tố tụng ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về án phí đề nghị được miễn vì ông là người dân tộc thiểu số, thường xuyên sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn.

Đối với diện tích đất tranh chấp nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông rút yêu cầu quản lý, sử dụng diện tích 57,7 m² đất thuộc một phần thửa 207, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (tỷ lệ 1/10.000) và rút yêu cầu sở hữu tài sản cây vầu trên diện tích đất này.

Tại Bản khai, cùng những lời trình bày tiếp theo cũng như tại phiên tòa bị đơn Hoàng Thị H (S) không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn với lý do:

Nguồn gốc diện tích đất thuộc thửa 292 là do bố chồng bà là Hoàng Đa Y nhận chuyển nhượng (được tặng cho) với gia đình ông Hoàng Văn L từ năm 1985; ông Hoàng Đa Y sử dụng ngôi nhà của ông Hoàng Văn L để làm chuồng trâu đến năm 2008; đến năm 2008 không chăn trâu thì ngôi nhà đổ sập hết tường trình, nhưng trên đất vẫn có cây mít, cây ăn quả khác là (bưởi, chuối, lê) gia đình bà quản lý, sử dụng liên tục trên 35 năm. Đối với chuồng trâu của gia đình hiện nay không còn. Tuy nhiên vị trí chuồng trâu trước kia là nằm trên cả diện tích đất tranh chấp và phần đất thửa 170 của ông Hoàng Văn Th.

Nguồn gốc diện tích đất thuộc thửa số 227: Do đất ông Hoàng Văn H nằm trên bờ ruộng lúa của gia đình bà ở khu ruộng E. Theo quy ước của thôn F quy

định là phần đất lâm nghiệp tiếp giáp từ bờ ruộng trở lên về phía sườn đồi, đỉnh đồi từ 15 mét đến 20 mét (tùy theo độ dốc) thuộc phạm vi quản lý, sử dụng của người có ruộng lúa liền kề. Nguồn gốc số cây vầu trên đất là do ông Lành Minh Đ em trai của Lành Trường C đi lấy cây giống ở H về trồng. Đến năm 1987 ông Lành Minh Đ di chuyển vào V, tỉnh Đ sinh sống giao lại cho ông Hoàng Đa Y quản lý, sử dụng.

Bà yêu cầu được quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp, sở hữu cây vầu trên đất tranh chấp, yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Hoàng Văn H đối với 02 (hai) diện tích đất tranh chấp và yêu cầu ông Hoàng Văn H bồi thường giá trị 01 cây mít đã chặt trên đất tranh chấp là 2.000.000 đồng trên diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 292, buộc nguyên đơn phải chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích đất này cũng như tài sản trên đất tranh chấp. Về chi phí tố tụng: Bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về án phí đề nghị được miễn vì bà là người dân tộc thiểu số, thường xuyên sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn bà Vy Thị C thông nhất với ý kiến của ông Hoàng Văn H đã đưa ra ở trên.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn ông Bùi Xuân M thể hiện: Việc Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hoàng Văn H đối với thửa 292, tờ bản đồ số 108, bản đồ địa chính xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và thửa 227, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Thửa 207, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện L không thuộc quy hoạch, tài sản trên đất được phép tồn tại, được phép cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân, tổ chức.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn ông Hoàng Văn K thể hiện: Thửa 207, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện L, Ủy ban xã không quản lý, không yêu cầu quản lý, không thuộc quy hoạch, tài sản trên đất được phép tồn tại, được phép cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân, tổ chức.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp phía nguyên đơn, bị đơn, bà Vy Thị C cùng ý kiến với người mình bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.

Những người làm chứng trong vụ án phía bị đơn gồm ông Lành Trường C, ông Hoàng Văn Th, ông Hoàng Văn T khẳng định diện tích đất tranh chấp, tài sản tranh chấp là của bị đơn, ý kiến nguồn gốc đất và tài sản trên đất như bị đơn trình bày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thành phần tham gia xét xử tại phiên tòa đúng với thành phần Hội đồng xét xử được ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, Quyết định thay đổi Thư ký. Thẩm

phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định đúng thẩm quyền, đúng tư cách các đương sự Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cùng tài liệu chứng cứ được công khai tại phiên tòa. Phía bị đơn không đưa ra được căn cứ gì để chứng minh cho đất tranh chấp và tài sản trên đất tranh chấp, phía nguyên đơn đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai diện tích đất tranh chấp. Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau: Hộ ông Hoàng Văn H được quyền quản lý và sử dụng diện tích 90 m² đất tại thôn F, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thuộc một phần thửa 292, tờ bản đồ địa chính số 108 xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (tỷ lệ 1/1000) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ký hiệu CV 618474, số vào sổ cấp CH02200 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Hoàng Văn H vào ngày 06/10/2020. Hộ ông Hoàng Văn H và bà Vy Thị C được quyền quản lý và sử dụng diện tích 995,1m² đất tại thôn F, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thuộc một phần thửa 227, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (tỷ lệ 1/10.000) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ký hiệu BD 636785, số vào sổ CH00146 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Hoàng Văn H và bà Vy Thị C vào ngày 30/12/2009. Hộ ông Hoàng Văn H và bà Vy Thị C được quyền sở hữu tài sản: Toàn bộ cây Vầu trên đất. Buộc bà Hoàng Thị H(S) chấm dứt hành vi tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với hộ ông Hoàng Văn H, hộ ông Hoàng Văn H và bà Vy Thị C. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn H yêu cầu quản lý, sử dụng diện tích 57,7 m² đất thuộc một phần thửa 207, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (tỷ lệ 1/10.000) và đình chỉ yêu cầu sở hữu tài sản cây vầu trên diện tích đất này do ông Hoàng Văn H rút yêu cầu. Không chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị H (S) về việc yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ký hiệu CV 618474, số vào sổ cấp CH02200 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Hoàng Văn H vào ngày 06/10/2020 và không chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị H (S) về việc yêu cầu hủy một phần đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ký hiệu BD 636785, số vào sổ CH00146 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Hoàng Văn H và bà Vy Thị C vào ngày 30/12/2009 đối với diện tích đất tranh chấp. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Hoàng Thị H (S) về việc yêu cầu ông Hoàng Văn H bồi thường giá trị cây mít là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Đôi án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Bùi Xuân M là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn; ông Hoàng Văn K là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; người làm chứng, người giám định có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227, 228, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Hộ ông Hoàng Văn H hoặc hộ ông Hoàng Văn H và bà Vy Thị C có: Ông Hoàng Văn H và vợ là bà Vy Thị C. Bà Hoàng Thị H có tên gọi khác là S theo Giấy chứng minh nhân dân.

[3] Đối với phần diện tích đất tranh chấp và tài sản trên đất tranh chấp ông Hoàng Văn H đã rút là 57,7m² thuộc thửa 207, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện L tỷ lệ 1/10.000. Do vậy đình chỉ giải quyết đối với diện tích đất này và yêu cầu sở hữu tài sản cây vầu trên diện tích đất đã rút.

[4] Đối với diện tích tranh chấp thứ nhất là 995,1 m² thuộc thửa 227, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện L tỷ lệ 1/10.000. Thửa đất 227 tờ bản đồ số 02 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn có tổng diện tích 11.217m² đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ký hiệu BD 636785, sổ vào sổ CH00146 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Hoàng Văn H và bà Vy Thị C vào ngày 30/12/2009. Ông Hoàng Văn H cho rằng đất tranh chấp có nguồn gốc là do từ đời bố ông canh tác, làm nương rẫy, trồng sắn, trồng khoai đến năm 1996 Nhà nước có giao đất cho dân, gia đình ông nhận luôn lô đất này và được nhà nước cấp sổ bìa xanh quản lý đến năm 2009 chuyển sang cấp bìa đỏ. Được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác. Tài sản trên đất là cây vầu tự mọc. Còn bà Hoàng Thị H (S) thì cho rằng đất tranh chấp là do đất ông Hoàng Văn H nằm trên bờ ruộng lúa của gia đình bà ở khu ruộng E. Theo quy ước của thôn F quy định là phần đất lâm nghiệp tiếp giáp từ bờ ruộng trở lên về phía sườn đồi, đỉnh đồi từ 15 mét đến 20 mét (tùy theo độ dốc) thuộc phạm vi quản lý, sử dụng của người có ruộng lúa liên kề. Nguồn gốc số cây vầu trên đất là do ông Lành Minh Đ em trai của Lành Trường C đi lấy cây giống ở H về trồng. Đến năm 1987 ông Đức di chuyển vào V, tỉnh Đ sinh sống giao lại cho ông Hoàng Đa Y quản lý, sử dụng. Đối với vấn đề này Tòa án thấy:

[5] Theo công văn số 01/CV-UBND ngày 04/01/2022 và 02/CV-UBND ngày 10/01/2022 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn: Thôn B không có quy định nào hộ gia đình có ruộng tiếp giáp bờ ruộng quản lý lên sườn đồi từ 15-30 mét thuộc phạm vi quản lý, sử dụng của người có ruộng liên kề.

[6] Bản tự khai ngày 03/01/2022 của ông Bùi Xuân M, đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn: Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc công nhận Hương ước 13 thôn của xã T, trong đó Hương ước thôn F được nhân dân thôn xây dựng tháng 12/2017, không có quy định nào về đất Lâm nghiệp tiếp giáp với bờ ruộng thì được quản lý, sử dụng như bà Hoàng Thị H trình bày.

[7] Đối với diện tích tranh chấp thứ hai là 90 m² thuộc thửa 292, tờ bản đồ số 108, bản đồ địa chính đất xã T, huyện L tỷ lệ 1/1000. Thửa đất 292 tờ bản đồ số 108 bản đồ địa chính xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn có tổng diện tích 537m² đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ký hiệu CV 618474, số vào sổ cấp CH02200 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Hoàng Văn H vào ngày 06/10/2020. Ông Hoàng Văn H cho rằng đất tranh chấp có nguồn gốc là theo ông Hoàng Văn H nguồn gốc là do gia đình ông mua từ năm 1996 với gia đình ông Vi Văn S có giấy tờ viết tay. Theo bà Hoàng Thị H (S) nguồn gốc là do bố chồng bà là Hoàng Đa Y nhận chuyển nhượng (được tặng cho) với gia đình ông Hoàng Văn L từ năm 1985; ông Hoàng Đa Y sử dụng ngôi nhà của ông Len để làm chuồng trâu đến năm 2008; đến năm 2008 không chăn trâu thì ngôi nhà đổ sập hết tường trình, nhưng trên đất vẫn có cây mít, cây ăn quả khác là (bưởi, chuối, lê) gia đình bà quản lý, sử dụng liên tục trên 35 năm. Đối với chuồng trâu hiện nay không còn. Tuy nhiên vị trí chuồng trâu trước kia là nằm trên cả diện tích đất tranh chấp và phần đất thửa 170 của ông Hoàng Văn Th. Đối với vấn đề này Tòa án thấy:

[8] Kết luận giám định tư pháp các nội dung theo trung cầu giám định của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình của Giám định viên tư pháp theo vụ việc ông Đinh Thanh T thể hiện:

[8.1] Việc chuyển từ Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng với diện tích 1,8 ha thuộc lô số 168, tiểu khu Pọng Bó và diện tích 1,75 ha thuộc lô số 169, tiểu khu Lọ Trào tại thôn Còn Trào, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho chủ hộ ông Hoàng Văn H, theo Quyết định số 106/UB-QĐ ngày 03/02/1996, đăng ký số 106 ngày 03/02/1996 tại Hạt kiểm lâm huyện L, tỉnh Lạng Sơn sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ký hiệu BD 636785, số vào sổ CH00146, ngày 30/12/2009, thửa đất số 227, tờ bản đồ số 02, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Hoàng Văn H và bà Vy Thị C. Theo hồ sơ thể hiện tại thời điểm hộ ông Hoàng Văn H đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp đang quản lý, sử dụng năm 2004, tại buổi họp xét của Hội đồng đăng ký đất đai xã T ngày 9/6/2004 có thể hiện nguồn gốc đất đối với các diện tích đất lâm nghiệp người dân đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất được nhà nước giao năm 1996; đối chiếu với việc hộ ông Hoàng Văn H trước đây được ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn giao quyền quản lý, sử dụng rừng, đất trồng rừng tại Quyết định số 106/QĐ-UB như vậy có cơ sở để xác định việc Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với các hộ gia đình, trong đó có hộ ông Hoàng Văn H năm 2004 có dựa trên căn cứ diện tích đất lâm nghiệp Nhà nước giao quyền quản lý, sử dụng cho các hộ gia đình năm 1996, trong đó có hộ ông Hoàng Văn H. Sau khi Nhà nước thực hiện đo đạc lại bản đồ địa chính xã T, diện tích đất có thay đổi dẫn tới việc năm 2009 ông Hoàng Văn H đã thực hiện thủ tục cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2004 theo số thửa mới là 227, diện tích 11.217m². Qua xem xét, việc Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hoàng Văn H năm 2004 là đảm bảo quy định của pháp luật. Từ

các phân tích trên, xác định việc cấp đổi từ diện tích đất lâm nghiệp hộ ông Hoàng Văn H được giao quyền quản lý, sử dụng từ năm 1996 sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2004 sau đó cấp đổi lại năm 2009 là đảm bảo; thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2009 là đảm bảo quy định của pháp luật tại Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

[8.2] Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ký hiệu BD 636785, số vào sổ CH00146 ngày 30/12/2009, thửa đất số 227, tờ bản đồ số 02, diện tích 11217,0m², mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất, địa chỉ: Lọ Chào, thôn Còn Trào, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Hoàng Văn H và bà Vy Thị C: Việc Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số seri BD 636785, số vào sổ CH 00146 cấp ngày 30/12/2009 cho hộ ông Hoàng Văn H và bà Vy Thị C do đo đạc lại bản đồ địa chính đã được thực hiện theo quy trình tại Khoản 2 Điều 144 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

[8.3] Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BD 636785, số vào sổ CH02200, số ký hiệu CV 618474 ngày 06/10/2020, thửa đất số 292, tờ bản đồ số 108, diện tích 537,0m², mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn: 443,6m²; đất trồng cây lâu năm 93,4m², địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn: Tại thời điểm thẩm định hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất của hộ ông Hoàng Văn H ngày 31/7/2020, trên đất hộ ông Hoàng Văn H đã tự ý san gạt đất hiện trạng đang đặt móng nhà bếp, theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ, là hành vi sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, không phải là đất rừng phòng hộ, không phải là đất rừng đặc dụng, không phải là đất rừng sản xuất vào mục đích khác không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định tại các điểm b và d khoản 1 Điều 57 của Luật đất đai, thuộc trường hợp bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

[8.4] Việc Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 4535/QĐ-Ủy ban nhân dân ngày 13/8/2020 về việc cho hộ ông Hoàng Văn H chuyển mục đích sử dụng đất khi chưa xử lý vi phạm hành chính đối với hộ ông Hoàng Văn H là thực hiện chưa đúng nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính quy định tại Điều 3 Luật Xử lý vi phạm hành chính, do đó Quyết định này chưa đảm bảo theo quy định, thuộc trường hợp cần xem xét, xử lý thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ký hiệu BD 636785, số vào sổ CH02200, số ký hiệu CV 618474 ngày 06/10/2020, thửa đất số 292, tờ bản đồ số 108, diện tích 537,0m², mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn: 443,6m²; đất trồng cây lâu năm 93,4m² đã cấp cho hộ ông Hoàng Văn H theo quy định tại điểm a, c Khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ.

[8.5] Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thửa đất số 170, tờ bản đồ số 108 xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn: Qua xem xét, việc Ủy ban nhân dân huyện L thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số seri BK556184, số vào sổ CH00563 ngày

14/02/2014 cho hộ ông Hoàng Văn Th, trong đó có thửa đất số 170 tờ bản số 108 là đảm bảo quy định tại Điều 14 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ, tuy nhiên tổng diện tích các thửa đất ghi trong Giấy chứng nhận ghi không đúng (tổng diện tích các thửa phải là 1.562m², số liệu trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị giảm 1m²), cần phải đính chính theo quy định.

[9] Ông Hoàng Văn Th đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 170, là một phần vị trí chuồng trâu mà bà Hoàng Thị (S) đã trình bày nhưng không có tranh chấp.

[10] Mặt khác bà Hoàng Thị H (S) cũng đã đi kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 14 thửa đất tại xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nhưng lại không kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích đất tranh chấp.

[11] Về nguồn gốc đất tranh chấp qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã theo lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn: Tại Công văn số 01/CV-UBND ngày 04/01/2022 của Ủy ban nhân dân xã T: Đề nghị Tòa án căn cứ cơ sở pháp lý để giải quyết theo đúng quy định đối với diện tích đất tranh chấp.

[12] Những người làm chứng trong vụ án ông Lành Trường C, ông Hoàng Văn Th, ông Hoàng Văn T khẳng định diện tích đất tranh chấp là của bị đơn nhưng không đưa ra được căn cứ nào để chứng minh.

[13] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại giá trị cây mít là 2.000.000 đồng của bà Hoàng Thị H (S) với ông Hoàng Văn H. Theo bị đơn cây mít này có từ trước khi gia đình bà được cho đất. Ông Hoàng Văn H chặt vào ngày 05/3/2020, kích thước đường kính khoảng 20 cm, khi ông H chặt bà có báo Ủy ban nhân dân xã nhưng Ủy ban nhân dân xã trả lời miệng là đất của ông Hoàng Văn H nên ông Hoàng Văn H có quyền chặt. Bà chỉ lên báo miệng, không có văn bản đơn từ gì. Ông Hoàng Văn H không nhất trí vì đây là cây mít của gia đình ông, khi ông chặt cây mít thì không ai có ý kiến tranh chấp gì cũng không báo Ủy ban nhân dân xã. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[14] Tại Công văn số 02/CV-UBND ngày 04/01/2022 của Ủy ban nhân dân xã T: Ủy ban nhân dân xã đã kiểm tra sổ tiếp công dân, tiếp nhận đơn thư công dân năm 2020, không có kiến nghị hay đơn thư nào của bà Hoàng Thị H(S) báo cáo đối với việc ông Hoàng Văn H chặt cây mít nào trên diện tích đất đang có tranh chấp.

[15] Vì những phân tích trên có đủ căn cứ xác định: 995,1m² đất thuộc một phần thửa đất số 227 tờ bản đồ số 02 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đang có tranh chấp thuộc quyền sử dụng của hộ ông Hoàng Văn H và bà Vy Thị C và cây vầu trên đất thuộc sở hữu của hộ ông Hoàng Văn H và bà Vy Thị C. Nên yêu cầu của ông Hoàng Văn H đưa ra là có căn cứ được chấp nhận; yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ký hiệu BD 636785, số vào sổ CH00146, ngày 30/12/2009, thửa đất số 227, tờ bản đồ số 02, diện tích 11217,0 m², mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất, địa chỉ: Lọ Chào, thôn Còn Trào, xã T, huyện L, tỉnh

Lạng Sơn do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Hoàng Văn H và bà Vy Thị C đối với diện tích 995,1 m² đất mà bà Hoàng Thị H(S) đưa ra không được chấp nhận vì không có căn cứ pháp luật.

[16] Đối với phần diện tích đất tranh chấp là 90m² đất thuộc một phần thửa đất số 292 tờ bản đồ số 108 bản đồ địa chính xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là đất ở tại nông thôn. Tại phần [8.4] theo kết luận giám định thì có sai sót về việc chuyển đổi mục đích, tuy nhiên xác định diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa số 197 có diện tích 2.460 m², mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Hoàng Văn H, số phát hành BK 556184, số vào sổ CH 00563 ngày 14/02/2014, tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với thửa này không có tranh chấp. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện tách thửa 197 thành 02 thửa 292 và 293 tờ bản đồ số 108 bản đồ địa chính xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đối với thửa 292 từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở tại nông thôn, có sơ xuất về việc chuyển đổi mục đích (nguồn gốc là một phần thửa 197). Nên yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 90m² đất thuộc một phần thửa đất số 292 tờ bản đồ số 108 bản đồ địa chính xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn của ông Hoàng Văn H đưa ra là có căn cứ được chấp nhận; yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 292 số ký hiệu CV 618474, số vào sổ CH02200, ngày 06/10/2020, tờ bản đồ số 108, địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Hoàng Văn H đối với diện tích 90m² đất để cho bà Hoàng Thị H(S) được quản lý, sử dụng diện tích 90 m² đất hiện tại nằm trên thửa 292, tờ bản đồ 108 (nguồn gốc là một phần thửa 197) tờ bản đồ số 108 bản đồ địa chính xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà là không hợp lý, không có căn cứ, do vậy Hội đồng xét xử không được chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị H đối với vấn đề quản lý, sử dụng cũng như hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại giá trị cây mít là 2.000.000 đồng mà bà Hoàng Thị H đưa ra không có căn cứ chấp nhận. Vấn đề sơ xuất trong chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với thửa 292, kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện L xem xét, xử lý theo quy định.

[17] Đất tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Hoàng Văn H nên ông Hoàng Văn H được quyền sử hữu toàn bộ các cây vầu trên đất diện tích 995,1 m² thuộc thửa 227, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện L tỷ lệ 1/10.000.

[18] Đối với đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vy Thị C đưa ra là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[19] Đối với đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đưa ra là không phù hợp và không có căn cứ pháp lý nên không được chấp nhận.

[20] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đưa ra là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[21] Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Hoàng Văn H đã tạm chi hết tổng cộng là 24.982.000 đồng (hai mươi tư triệu chín trăm tám mươi hai nghìn đồng) bao gồm: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 4.900.000 đồng (bốn triệu chín trăm nghìn đồng); chi phí đo đạc, trích đo địa chính khu đất là 16.082.000 đồng (mười sáu triệu không trăm tám mươi hai nghìn đồng). Tổng cộng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản; đo đạc, trích đo địa chính khu đất là 20.982.000 đồng (hai mươi triệu chín trăm tám mươi hai nghìn đồng). Xét thấy một phần diện tích của nguyên đơn khởi kiện đã rút yêu cầu là 57,7m², do vậy nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản; đo đạc, trích đo địa chính khu đất đối với phần đã rút là 1.059.000 đồng (một triệu không trăm năm mươi chín nghìn đồng), xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ. Một phần diện tích của nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận là 1.085,1 m², do vậy bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản; đo đạc, trích đo địa chính khu đất đối với phần diện tích nguyên đơn được chấp nhận là 19.923.000 đồng (mười chín triệu chín trăm hai mươi ba nghìn đồng). Về chi phí giám định: Việc thực hiện giám định đối với phần diện tích đất nguyên đơn được chấp nhận là 1.085,1 m² có căn cứ do vậy bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Do nguyên đơn đã tạm ứng chi phí giám định là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) và tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản; đo đạc, trích đo địa chính khu đất là 19.923.000 đồng (mười chín triệu chín trăm hai mươi ba nghìn đồng) nên bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn chi phí giám định là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản; đo đạc, trích đo địa chính khu đất là 19.923.000 đồng (mười chín triệu chín trăm hai mươi ba nghìn đồng). Tổng cộng bị đơn có trách nhiệm hoàn trả lại cho nguyên đơn là 23.923.000 đồng (hai mươi ba triệu chín trăm hai mươi ba nghìn đồng) mà nguyên đơn đã tạm ứng theo quy định tại khoản 1, 4, 5 Điều 157; Điều 158; Điều 160, Điều 161, Điều 163, Điều 164, khoản 1, 4, 5 Điều 165; Điều 166 Bộ luật tố tụng Dân sự .

[22] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí, nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn là người dân tộc thiểu số, thường xuyên sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đã có đơn xin miễn án phí dân sự, do vậy bị đơn được miễn án phí toàn bộ án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, Điều 24, Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[23] Các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 34, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1, 4 Điều 157, Điều 158, Điều 161, Điều 162, khoản 1, 4 Điều 165, Điều 166, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 230, Điều 271, Điều 273; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 158, Điều 160, Điều 161, Điều 163, Điều 164, Điều 169, Điều 221, Điều 235, Điều 189, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; các Điều 101, Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15, Điều 24, khoản 2 Điều 26, điểm a, b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản trên đất:

1.1. Hộ ông Hoàng Văn H được quyền quản lý và sử dụng diện tích 90 m² đất tại thôn F, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thuộc một phần thửa 292, tờ bản đồ địa chính số 108 xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (tỷ lệ 1/1000) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ký hiệu CV 618474, số vào sổ cấp CH02200 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Hoàng Văn H vào ngày 06/10/2020. Diện tích 90 m² đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): A1,A2,A3,A14, thể hiện tại Phụ lục số 107A xác minh hồ sơ khu đất tranh chấp kèm theo bản án.

1.2. Hộ ông Hoàng Văn H và bà Vy Thị C được quyền quản lý và sử dụng diện tích 995,1m² đất tại thôn F, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thuộc một phần thửa 227, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (tỷ lệ 1/10.000) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ký hiệu BD 636785, số vào sổ CH00146 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Hoàng Văn H và bà Vy Thị C vào ngày 30/12/2009. Diện tích 995,1m² đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): A1, A2, A14,A5,A6,A7,A8,A9,A10,A11,A12,A13, thể hiện tại Phụ lục số 107B xác minh hồ sơ khu đất tranh chấp kèm theo bản án.

1.3. Về tài sản gắn liền với đất: Hộ ông Hoàng Văn H và bà Vy Thị C được quyền sở hữu tài sản: Toàn bộ cây vầu trên diện tích đất nêu tại phần 1.2.

1.4. Buộc bà Hoàng Thị H(S) chấm dứt hành vi tranh chấp quyền sử dụng đất nêu tại 1.1 và 1.2 và tài sản gắn liền với đất nêu tại 1.3 với hộ ông Hoàng Văn H, hộ ông Hoàng Văn H và bà Vy Thị C.

2. Về đình chỉ xét xử: Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn H yêu cầu quản lý, sử dụng diện tích 57,7 m² đất thuộc một phần thửa 207, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (tỷ lệ 1/10.000). Diện tích 57,7 m² đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): A2, A4,A5,A14, thể hiện tại Phụ lục số 107B xác minh hồ sơ khu đất

tranh chấp kèm theo bản án và đình chỉ yêu cầu sở hữu tài sản cây vầu trên diện tích đất này.

3. Về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Không chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị H(S) về việc yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ký hiệu CV 618474, số vào sổ cấp CH02200 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Hoàng Văn H vào ngày 06/10/2020 đối với diện tích đất nêu tại 1.1.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị H(S) về việc yêu cầu hủy một phần đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ký hiệu BD 636785, số vào sổ CH00146 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Hoàng Văn H và bà Vy Thị C vào ngày 30/12/2009 đối với diện tích đất nêu tại 1.2.

4. Về yêu cầu bồi thường thiệt hại: Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Hoàng Thị H(S) về việc yêu cầu ông Hoàng Văn H bồi thường giá trị cây mít là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) trên phần diện tích đất nêu tại 1.1.

5. Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng:

Ông Hoàng Văn H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; đo đạc trích đo địa chính khu đất, định giá tài sản là 1.059.000 đồng (một triệu không trăm năm mươi chín nghìn đồng). Xác nhận ông Hoàng Văn H đã nộp đủ.

Bà Hoàng Thị H(S) phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản; chi phí giám định là 23.923.000 đồng (hai mươi ba triệu chín trăm hai mươi ba nghìn đồng).

Bà Hoàng Thị H(S) phải có trách nhiệm trả cho ông Hoàng Văn H chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; đo đạc, trích đo định giá tài sản, giám định là 23.923.000 đồng (hai mươi ba triệu chín trăm hai mươi ba nghìn đồng).

6. Nghĩa vụ chịu lãi chậm trả: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

7. Về án phí: Bà Hoàng Thị H(S) được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

8. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND hLộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS hLộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người BVQ&LIHP;
-;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Mai

